

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG  
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/DS-ST

Ngày: 25 - 7 - 2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Vân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Huỳnh Thị Chi

Bà Dương Thị Phụng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Hoàng Tú - Kiểm sát viên

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2022/TLST-DS ngày 15/4/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1966 (có mặt)

Nơi cư trú: số nhà B, khóm T1, phường T2, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

***- Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị H2 (tên thường gọi: Nguyễn Thị V), sinh năm 1979 (có mặt)

Nơi cư trú: số nhà H, khóm M, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

***- Người làm chứng:***

1. Bà Đặng Thị H3, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà S, khóm T1, phường T2, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

2. Bà Võ Thị Duy B (T), sinh năm 1988 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà H, khóm M, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2022 và quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị H1 trình bày:*

Ngày 20/11/2017 âm lịch tức ngày 06/01/2018 dương lịch, bà H1 cho bà Nguyễn Thị H2 vay số tiền 100.000.000 đồng, có biên nhận nợ được bà H2 viết, ký tên, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói 1%/tháng, khi nào bà H1 yêu cầu trả nợ thì báo trước bà H2 01 tháng. Thực hiện hợp đồng, bà H2 trả lãi 12 tháng là 12.000.000 đồng rồi ngưng.

Bà H1 khởi kiện yêu cầu bà H2 trả bà H1 số tiền vay gốc 100.000.000 đồng, trả tiền lãi với lãi suất 1%/tháng từ tháng 01/2018 đến tháng 01/2022 thành số tiền 37.000.000 đồng, trừ số tiền 12.000.000 đồng đã nhận nên tiền lãi còn lại 25.000.000 đồng; tổng cộng tiền gốc và lãi 125.000.000 đồng.

*Tại Biên bản hòa giải ngày 08/6/2022, bà Nguyễn Thị H2 trình bày:*

Bà H2 thừa nhận viết, ký tên vào Biên nhận đề ngày 20/11/2017 (âm lịch) với nội dung vay của bà H1 số tiền 100.000.000 đồng như bà H1 trình bày; lãi suất thỏa thuận bằng lời nói 4%/tháng. Thực hiện hợp đồng, bà H2 trả lãi bà H1 nhiều lần, không yêu cầu bà H1 viết biên nhận nhận tiền. Đến tháng 6/2019, bà H2 hốt hụi và trả bà H1 xong số tiền vay gốc 100.000.000 đồng nhưng không lấy lại bản chính biên nhận nợ. Bà H2 không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H1 do bà H2 đã trả bà H1 xong cả nợ gốc và lãi.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:* Nguyên đơn trình bày yêu cầu bà H2 trả số tiền vay gốc 100.000.000 đồng, yêu cầu trả tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng từ tháng 01/2018 đến tháng 01/2022, đã nhận thêm 2.000.000 đồng tiền lãi do bà H2 trả và đồng ý trừ tổng số tiền lãi đã nhận 14.000.000 đồng vào số tiền lãi mà bà H2 có nghĩa vụ phải trả. Bị đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:*

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H1. Buộc bà H2 (V) trả bà H1 số tiền gốc và lãi 125.840.000 đồng. Buộc bà H2 (V) nộp số tiền 6.292.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà H1 khởi kiện bà H2 tranh chấp hợp đồng vay tài sản vì cho rằng có quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm là có quyền khởi kiện. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố V nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Vì vậy, thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 26, 35, 39, 186 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà H2 trình bày trả bà H1 xong số tiền vay gốc 100.000.000 đồng bằng việc hốt hụi do bà Đặng Thị H3 (cô T) làm chủ hụi và nhiều lần gửi bà H3 số tiền từ 2.000.000 đồng - 2.200.000 đồng nhờ trả lãi bà H1 nên đã trả xong bà H1 số tiền 100.000.000 đồng theo biên nhận ngày 20/11/2017 (âm lịch); đã không yêu cầu bà H1 trả lại bản chính biên nhận nợ. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H2 không nộp tài liệu, chứng cứ gì thêm như văn bản của bà H1 xác nhận đã nhận đủ số tiền 100.000.000 đồng từ bà H2 trả để phủ định giá trị của biên nhận nợ ngày 20/11/2017 (âm lịch) chứng minh lời nói của mình có căn cứ. Ngoài ra, bà H2 cho rằng, ngày 30/11/2016, bà H2 giới thiệu bà Võ Thị Duy B (T) vay của bà H1 số tiền 100.000.000 đồng; biên nhận nợ do bà B viết, ký tên, không có chữ ký bảo lãnh của bà H2. Do bà B chưa trả bà H1 số tiền 100.000.000 đồng nên bà H1 lấy bản chính biên nhận vay 100.000.000 đồng của bà H2 quên nhận lại để kiện trong vụ án này.

Tòa án đã lấy lời khai bà Đặng Thị H3 (cô T) nhưng bà H3 xác định khoảng năm 2021 có nhận tiền bà H2 nhờ gửi trả lãi bà H1 nhiều lần từ 2.000.000 đồng - 2.200.000 đồng, không nhớ rõ tổng bao nhiêu tiền và bà H3 chuyển giao bà H1 xong, không yêu cầu bà H1 viết biên nhận đã nhận tiền, không chứng kiến việc bà H2 trả bà H1 số tiền 100.000.000 đồng. Lời khai của bà Võ Thị Duy B xác định thông qua giới thiệu của bà H2 nên bà B vay của bà H1 số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 30/11/2016, biên nhận chỉ có chữ ký, chữ ghi họ tên của bà B. Thực hiện hợp đồng vay, bà B đã trả lãi với lãi suất 4%/tháng từ tháng 11/2016 - 3/2020 và trả lãi với lãi suất 2%/tháng từ tháng 4/2020 - 12/2020 nhưng các lần trả lãi không yêu cầu bà H1 viết biên nhận. Tháng 3/2022, bà B thỏa thuận với bà H1 trả dần bà H1 mỗi tháng 500.000 đồng đến khi hết số nợ vay gốc 100.000.000 đồng, đã trả được 04 tháng là 2.000.000 đồng.

Suốt quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, bà H1 không đồng ý trình bày của bà H2 đã trả xong bà H1 số nợ gốc 100.000.000 đồng và không thừa nhận số nợ 100.000.000 đồng trong vụ án này là nợ của bà B vay bà H1. Bà H1 xác định biên nhận vay ngày 20/11/2017 (âm lịch) do bà H2 vay chưa trả, hai khoản vay riêng biệt không liên quan đến khoản vay của bà B, không tranh chấp hợp đồng vay với bà B. Ngoài lần cho vay này, bà H1 cho bà H2 vay nhiều lần khác đã tất toán xong. Bản chính các biên nhận nợ trả xong đều được bà H2 gạch chéo nhằm xóa biên nhận nợ, không có việc trả nợ xong mà không xóa biên nhận nợ.

Lời khai của bà H3, bà B như đã nêu ở trên không đủ căn cứ khẳng định bà H2 trả bà H1 xong khoản nợ vay gốc 100.000.000 đồng. Hơn nữa, biên nhận vay của bà H2 lập ngày 20/11/2017 (âm lịch), biên nhận vay của bà B lập ngày 30/11/2016 có nội dung riêng biệt với nhau, không đủ căn cứ xác định số tiền tranh chấp 100.000.000 đồng trong vụ án này là khoản tiền của bà B vay. Bà H2 nộp các tin nhắn qua Zalo giữa bà H1 với bà B nhưng tin nhắn không ghi rõ số tiền bao nhiêu, không có nội dung liên quan đến biên nhận nợ 100.000.000 đồng của bà H2 với bà H1. Tin nhắn qua Zalo giữa bà H2 với bà H1 cũng chỉ chứng minh được bà H2 trả tiền lãi 2.200.000 đồng vào ngày 06/8/2020 và trả lãi các tháng 5, 6, 7 không ghi rõ số tiền trả bao nhiêu. Bà H1 cũng đã thừa nhận nhận tiền lãi từ bà H2 trả tổng cộng 14.000.000 đồng nên khấu trừ vào tiền lãi còn phải trả.

Bà H2 nộp Sao kê tài khoản của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) nhằm chứng minh nhận tiền từ bà B chuyển đến rồi bà H2 chuyển tiền vào tài khoản của bà H1, đây là khoản vay của bà B. Xét thấy, văn bản sao kê thể hiện bà H2 chuyển bà H1 số tiền các lần tổng cộng 19.000.000 đồng với nội dung diễn giải: ngày 12/10/2018 chuyển 6.000.000 đồng trả dứt T, ngày 14/3/2019 chuyển 6.002.200 đồng chuyển lời, ngày 14/12/2018 chuyển 6.002.200 đồng trả lãi dứt T, ngày 16/02/2021 chuyển tiền 1.002.200 đồng. Như vậy, bà H2 chuyển hộ bà B (T) số tiền 12.000.000 đồng, chuyển lãi 6.000.000 đồng và chuyển tiền 1.000.000 đồng. Điều này không chứng minh được bà H2 trả bà H1 xong số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng mà chứng minh chuyển giao hộ biên nhận vay của bà B thì sẽ được xem xét, giải quyết trong trường hợp có tranh chấp hợp đồng vay giữa bà H với bà B nếu có tranh chấp.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, biên nhận lập ngày 20/11/2017 (âm lịch) tương đương ngày 06/01/2018 (dương lịch) được bà H2 xác định do bà H2 viết ra, ký tên, ghi họ và tên với nội dung vay của bà H1 số tiền 100.000.000 đồng nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà H2 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả xong bà H1 khoản nợ vay 100.000.000 đồng mà đây lại là vấn đề chính cần phải chứng minh nên không đủ căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận trình bày của bà H2 trả xong bà H1 số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H1, buộc bà H2 trả bà H1 số tiền vay 100.000.000 đồng.

[3] Biên nhận vay đề ngày 20/11/2017 (âm lịch) là hợp đồng vay không kỳ hạn, không ghi lãi suất nhưng bà H1 xác định lãi suất thỏa thuận bằng lời nói 1%/tháng, bà H2 xác định lãi suất 4%/tháng. Lời trình bày của bà H1, bà H2 đã thống nhất nhau về việc có thỏa thuận trả lãi nên đây là hợp đồng vay có lãi, do không thống nhất nhau về lãi suất nên có tranh chấp về lãi suất và căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 tại thời điểm trả nợ, tức là lãi suất bằng 0,83%/tháng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H1 thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà H2 trả tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng từ tháng 01/2018 đến 01/2022 là 48 tháng. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện về lãi suất của bà H1 là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Tiền lãi được tính như sau:  $100.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 48 \text{ tháng} = 39.840.000 \text{ đồng}$ , trừ số tiền lãi 14.000.000 đồng đã nhận nên tiền lãi còn lại 25.840.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi mà bà H2 phải trả bà H1 là 125.840.000 đồng.

[4] Án phí: Buộc bà H2 nộp số tiền 6.292.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long là có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 186 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H1.**

Buộc bà Nguyễn Thị H2 (Nguyễn Thị V) trả bà Phạm Thị H1 tổng số tiền 125.840.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng), trong đó: tiền gốc 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), tiền lãi 25.840.000 đồng (hai mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

#### **2. Buộc bà Nguyễn Thị H2 (Nguyễn Thị V) nộp số tiền 6.292.000 đồng (sáu triệu hai trăm chín mươi hai ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.**

Hoàn trả bà Phạm Thị H1 số tiền tạm ứng án phí 3.125.000 đồng (ba triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số No 0001108 ngày 23/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- Đương sự: 2;
- Lưu: 5.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Thu Vân**

